

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2008

Nguyễn Thị Thu Huyền*
Nguyễn Bình Nguyên**

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), tính đến cuối năm 2007, cả nước đã thu hút được hơn 9.500 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký khoảng 98 tỷ đô la Mỹ (USD) gồm cả vốn cấp mới và vốn tăng thêm. Trừ các dự án đã hết thời hạn hoạt động hoặc giải thể trước thời hạn, hiện còn khoảng 8.590 dự án còn hiệu lực, có tổng vốn đăng ký là 83,1 tỷ USD. Trong số này, đã có khoảng 50% số dự án triển khai với vốn thực hiện đạt hơn 43 tỷ USD, chiếm 52,3% tổng vốn đăng ký. Khu vực có vốn FDI đã đóng góp trên 17% GDP, chiếm 16% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đạt giá trị doanh thu trong 2 năm 2006-2007 là 69 tỷ USD, trong đó giá trị xuất khẩu (trừ dầu thô) đạt 28,6 tỷ USD.

Sang 6 tháng đầu năm 2008, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam, trong đó có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và thương mại quốc tế (TMQT) diễn biến theo các chiều hướng khác nhau, nhất là giữa quý I và quý II. Bài viết này phân tích thực trạng về FDI và TMQT của Việt Nam trong nửa năm đầu năm 2008, chủ yếu dựa trên số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và Tổng cục Thống kê.

1. Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 6 tháng đầu năm 2008

Trong nửa đầu năm 2008, luồng vốn FDI tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2007 và tăng rất mạnh. Tính đến ngày 20/6/2008, cả nước đã thu hút được 478 dự án đầu tư mới được cấp phép với số vốn đăng ký là 30,9 tỷ USD, cao hơn 1,5 lần mức thu hút của cả năm 2007, giảm 29,5% về số dự án nhưng tăng 424,3% về số vốn so với cùng kỳ năm 2007. Nếu tính cả 661,2 triệu USD vốn bổ sung của 158 lượt dự án đã được cấp phép trước đây và đang hoạt động thì tổng số vốn đầu tư trong 6 tháng đầu năm đạt 31,6 tỷ USD, gấp hơn 3,7 lần so với cùng kỳ năm trước, vượt xa con số 21,3 tỷ USD đầu tư nước ngoài của cả năm 2007. Số vốn đầu tư đã thực hiện trong nửa đầu năm 2008 đạt 4,9 tỷ USD (Bảng 1). Riêng trong tháng 6/2008, số vốn cấp mới lên tới 16.222 triệu USD, số vốn thực hiện đạt 950 tỷ USD.

* Nguyễn Thị Thu Huyền, thạc sỹ kinh tế, nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

** Nguyễn Bình Nguyên, nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

Bảng 1. Vốn FDI và tình hình hoạt động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nửa đầu năm 2007 và 2008.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2007	6 tháng đầu năm 2008	Tỷ lệ
I	Tình hình hoạt động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài				
1	Vốn đầu tư thực hiện	triệu USD	3.560	4.900	137,6%
2	Doanh thu	triệu USD	14.330	20.400	142,4%
3	Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	8.842	11.320	128,0%
4	Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD	9.740	13.900	142,7%
5	Nộp ngân sách nhà nước	triệu USD	700	951	135,9%
6	Số lao động cuối kỳ báo cáo	Nghìn người	1.185	1.368	115,4%
II	Cấp mới và tăng vốn				
1	Số dự án cấp mới	dự án	678	487	71,8%
2	Vốn đăng ký cấp mới	triệu USD	7.293	30.946	424,3%
3	Số dự án tăng vốn	lượt dự án	218	158	72,5%
4	Vốn tăng thêm	triệu USD	1.199	661.2	55,1%
5	Vốn cấp mới và tăng thêm	triệu USD	8.492	31.608	372,2%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Số vốn đăng ký cao chủ yếu là do nhiều dự án rất lớn đã được cấp giấy phép, tiêu bi 8 dự án FDI có vốn lớn nhất, trong đó có 2 dự án của Formosa và Nhà máy lọc dầu Ngh là lớn nhất từ trước đến nay (xem Hộp 1).

Hộp 1: Tám dự án đầu tư (đăng ký) tiêu biểu trong nửa đầu năm 2008

1. Dự án của tập đoàn Formosa (vốn đăng ký 7,87 tỷ USD)

Dự án lớn nhất Việt Nam được cấp phép đầu tháng 6, do Công ty TNHH Gang th Hưng Nghiệp (tập đoàn Formosa, Đài Loan) đầu tư tại khu công nghiệp Vũng Áng, Tỉnh. Với tổng vốn 7,87 tỷ USD, dự kiến dự án này sẽ hoạt động trong 70 năm. Form sẽ xây dựng nhà máy sản xuất theo 2 giai đoạn tại Vũng Áng và kinh doanh các dịch cảng biển tại khu vực này. Trong giai đoạn 1, Nhà máy Gang thép của Formosa có c suất 7,5 triệu tấn mỗi năm và nâng lên 15 triệu tấn trong giai đoạn 2. Các sản ph chính của nhà máy sẽ là phôi thép, thép cuộn và thép thành phẩm.

2. Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (vốn đăng ký 6,2 tỷ USD)

Đây là liên doanh của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN) và các công Idemitsu Kosan (IKC), công ty Hóa chất Mitsui (MCI) của Nhật Bản, cùng với Tập đo Dầu khí quốc tế Kuwait (KPI), có tổng vốn đăng ký tới 6,2 tỷ USD, đứng thứ hai về lượ vốn trong nửa đầu năm nay. Đây cũng là nhà máy lọc dầu thứ hai của Việt Nam sau n máy Dung Quất. Hiện PVN và các đối tác nước ngoài đã thành lập xong liên doanh Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa. Theo Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, dự ki

khi hoàn thành vào năm 2013, nhà máy sẽ có công suất 200.000 thùng dầu mỗi ngày, tương đương 10 triệu tấn mỗi năm. Phía Việt Nam sẽ góp 25,1% vốn trong dự án, KPI và IKC cùng góp 35,1%, và MCI 4,7%. Vốn đầu tư ban đầu cho dự án là 200 triệu USD. Hiện phía Kuwait đã cam kết cung cấp toàn bộ nhu cầu dầu thô của nhà máy, vào khoảng 10 triệu tấn mỗi năm cho giai đoạn đầu và tăng lên 20 triệu tấn khi mở rộng dự án.

3. Khu du lịch Hồ Tràm (vốn đăng ký 4,2 tỷ USD)

Dự án Khu du lịch Hồ Tràm tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được cấp phép cuối tháng 5/2008, với tổng vốn đăng ký là 4,2 tỷ USD. Chủ đầu tư của dự án này là tập đoàn Asian Coast Development của Canada. Hiện chủ đầu tư đã cho khởi công dự án này, để xây dựng khu du lịch phức hợp 5 sao, rộng gần 170 ha, gồm các khu khách sạn cao cấp với 2.300 phòng, sông bạc, khu vui chơi giải trí, điều dưỡng, triển lãm quốc tế và khu hội nghị. Đây cũng được coi là khu giải trí có sông bạc kiểu Las Vegas đầu tiên ở Việt Nam. Dự kiến, giai đoạn đầu của khu phức hợp sẽ hoàn thành vào cuối năm 2010.

4. Khu du lịch của Starbay Holdings tại Phú Quốc (vốn đăng ký 1,64 tỷ USD)

Công ty TNHH một thành viên Starbay Việt Nam, thuộc tập đoàn Starbay Holdings (Quần đảo Virginia thuộc Anh quốc), sẽ xây dựng một khu du lịch tại Bãi Dài, Phú Quốc. Dự án này có tổng vốn 1,64 tỷ USD, gồm một tổ hợp nghỉ dưỡng phức hợp, sân golf và căn hộ cho thuê. Dự kiến thời gian xây dựng khu du lịch là 15 năm. Vốn đầu tư giai đoạn đầu của dự án vào khoảng 330 triệu USD, để xây 2 khách sạn năm sao, trên 150 biệt thự, và trung tâm giải trí.

5. Khu du lịch của Tập đoàn Good Choice USD (vốn đăng ký 1,3 tỷ USD)

Tập đoàn của Mỹ này sẽ xây dựng tại Bà Rịa - Vũng Tàu một khu du lịch với tổng vốn đầu tư 1,3 tỷ USD. Dự án này cũng được xây dựng theo hình thức phức hợp với khách sạn 5 sao, khu vui chơi, hội nghị, ẩm thực, triển lãm và y tế. Vốn điều lệ của chủ đầu tư Good Choice hiện đạt trên 460 triệu USD.

6. Dự án của TA Associates International (vốn đăng ký 1,2 tỷ USD)

Công ty TNHH TA Associates Việt Nam, thuộc tập đoàn TA Associates International của Xingapo, đã được cấp phép đầu tư cao ốc văn phòng, nhà cho thuê, đào tạo nhân lực với tổng vốn 1,2 tỷ USD. Dự án của Associates International được thực hiện tại TP. Hồ Chí Minh, trong đó vốn ban đầu là 180 triệu USD.

7. Dự án bất động sản của Berjaya Leisure (vốn đăng ký 930 triệu USD)

Tập đoàn của Malaysia này dự kiến sẽ đầu tư và kinh doanh bất động sản, gồm khách sạn, cao ốc cho thuê và trung tâm thể thao tại TP. Hồ Chí Minh. Berjaya Leisure đã thành lập công ty trực thuộc là Công ty TNHH Tài chính Việt Nam để đầu tư dự án này. Dự kiến tổng vốn cho dự án đạt 930 triệu USD, trong đó vốn điều lệ của chủ đầu tư là 186 triệu USD.

8. Khu đô thị của Water Front (vốn đăng ký 750 triệu USD)

Công ty TNHH thành phố Water Front của Xingapo đã được cấp phép đầu tư dự án khu đô thị, khách sạn, thương mại dịch vụ tại Đồng Nai với tổng vốn 750 triệu USD. Lượng vốn này cũng là vốn điều lệ của chủ đầu tư dự án.

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.1. FDI theo lĩnh vực kinh tế

Vốn FDI tăng và cấp mới 6 tháng 2008 chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp. Trong số 478 dự án mới được cấp phép, khu vực công nghiệp - xây dựng có 298 dự án với số vốn đăng ký là 17,15 tỷ USD, chiếm 62,3% tổng số dự án và chiếm 55,4% tổng vốn cấp mới. Khu vực dịch vụ có 155 dự án với 13,6 tỷ USD, chiếm 32,4% tổng số dự án và chiếm 44% tổng số vốn; số còn lại thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ có 25 dự án với 167,3 triệu USD, chiếm 5,3% số dự án và chiếm 0,5% tổng số vốn.

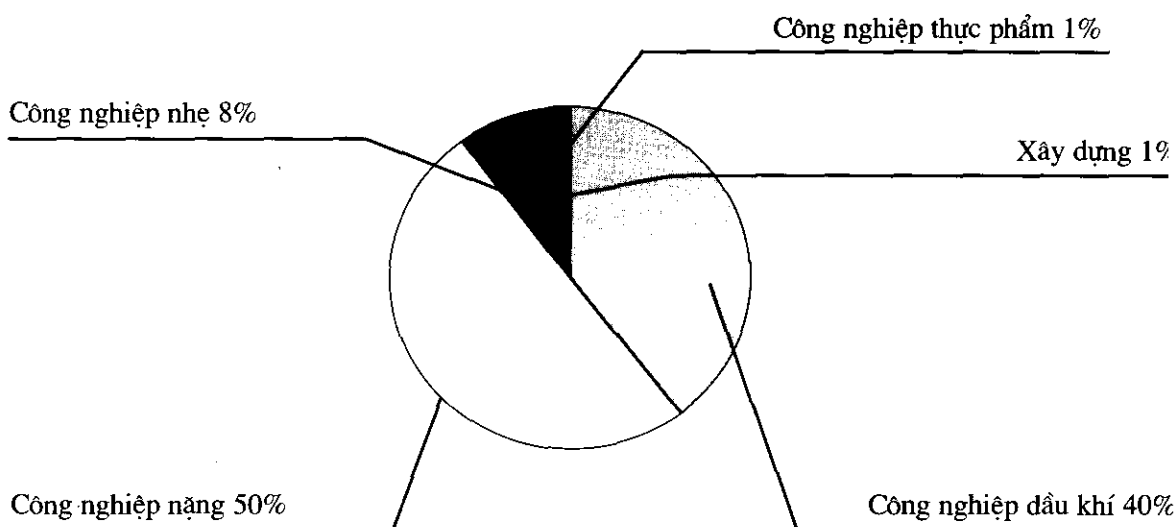
Trong cơ cấu đầu tư vào khu vực công nghiệp - xây dựng, luồng vốn FDI chủ yếu đổ vào các phân ngành công nghiệp nặng (50%) và công nghiệp dầu khí (40%) (Hình 1).

Một phần lớn nguồn vốn FDI trong thời gian này dồn vào lĩnh vực dầu khí, chiếm

gần 22% vốn đăng ký, chiếm 44% tổng đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp với 2 nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa) và tổ hợp hóa dầu Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu) mới được cấp phép.

Trong lĩnh vực dịch vụ, các dự án chủ yếu đầu tư vào các công trình bất động sản. Đến hết quý II/2008 có 13,323 tỷ USD FDI vào bất động sản chiếm 43% tổng vốn đăng ký 6 tháng đầu năm, chủ yếu vào dự án bất động sản như xây dựng văn phòng và căn hộ để bán và cho thuê, xây dựng khách sạn cao cấp, khu nghỉ dưỡng... lượng vốn FDI không nhỏ được dùng để cơ đất đai chờ tăng giá theo quy hoạch. Điều này dẫn đến trên danh nghĩa là có đầu tư nhưng thực tế thì không tạo được việc làm cho người dân, không tạo ra giá trị thực cho nền kinh tế.

Hình 1. Tỷ trọng FDI trong công nghiệp và xây dựng 6 tháng đầu năm 2008



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Xét theo tốc độ tăng trưởng, tỷ lệ tăng đầu tư tăng mạnh nhất trong các phân ngành công nghiệp dầu khí (56334%), công nghiệp thực phẩm (1727%) và công nghiệp nặng (683%) (Bảng 2).

Bảng 2. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 6 tháng đầu năm 2008 vào khu vực công nghiệp

Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư 6 tháng đầu năm 2008 (USD)	Tỷ lệ tăng so với cùng kỳ năm 2007
Toàn ngành công nghiệp	298	17.152.818.349	697%
Công nghiệp dầu khí	4	6.789.500.000	56344%
Công nghiệp nặng	113	8.620.983.700	683%
Công nghiệp nhẹ	127	1.313.779.649	116%
Công nghiệp thực phẩm	21	240.408.000	1727%
Xây dựng	33	188.147.000	447%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực trạng luồng vốn FDI ít đổ vào khu vực nông nghiệp chủ yếu do các nguyên nhân chính sau:

Thứ nhất, Việt Nam chưa có chiến lược hữu hiệu trong thu hút và quy hoạch sử dụng FDI cho phát triển nông nghiệp và nông thôn; chưa có cơ chế chọn lựa, đề xuất các dự án FDI ưu tiên trong ngành; chưa có cơ quan của ngành theo dõi và giúp đỡ giải quyết vướng mắc trong quá trình xúc tiến và thực hiện các dự án FDI; và chưa có cơ chế phối hợp hữu hiệu giữa các ngành – địa phương.

Thứ hai, kết cấu hạ tầng và tay nghề ở khu vực nông thôn chưa đủ hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài; rủi ro khi đầu tư vào ngành nông nghiệp và khu vực nông thôn là tương đối cao; các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn chưa đủ năng lực để chủ động kêu gọi FDI theo ý đồ phát triển sản phẩm và thị trường của riêng mình.

Thứ ba, chưa có chính sách ưu đãi hữu hiệu đối với đầu tư nước ngoài vào khu vực nông nghiệp và nông thôn; ngoài ra, chính sách đất đai, thuế, các chế độ ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và các vùng nông thôn chưa rõ và chưa thống nhất.

Đáng lưu ý là trong tổng số vốn FDI đổ vào Việt Nam thì có tới hơn một nửa đầu tư vào các ngành khai thác tài nguyên, các ngành công nghiệp được bảo hộ cao, các ngành công nghiệp gây ô nhiễm và lĩnh vực bất động sản. Xét tổng thể nền kinh tế, cơ cấu đầu tư này có thể không hiệu quả trong dài hạn do các ngành khai thác tài nguyên là các ngành có sức lan tỏa ra toàn bộ nền kinh tế rất hạn chế, ít tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp phụ trợ phát triển. Đối với các ngành công nghiệp gây ô nhiễm, lợi nhuận nước ngoài hưởng còn hậu quả tiêu cực thì Việt Nam phải gánh chịu nếu không có những biện pháp kiểm soát chất thải hữu hiệu.

1.3. FDI theo vùng lãnh thổ

Trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, Đài Loan dẫn đầu về vốn đăng ký với tổng số vốn đạt 8,2 tỷ USD, chiếm 26,4% tổng vốn đăng ký; tiếp đến là Nhật Bản với 7,1 tỷ USD, chiếm 23%; Canada đạt 4,2 tỷ USD, chiếm 13,7%; Xinggapo đạt 3,6 tỷ USD, chiếm 11,5%; Quần đảo Virgin thuộc Anh đạt 2,7 tỷ USD, chiếm 8,8%; Malaixia 1,6 tỷ USD, chiếm 5,1%; và Hoa Kỳ đạt 1,4 tỷ USD, chiếm 4,4% (Bảng 3).

Bảng 3. Tổng vốn đầu tư FDI của các nước vào Việt Nam 6 tháng đầu năm 2008

TT	Nước đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư	Tỷ lệ %
1	Đài Loan	64	8.171.187.700	26,40%
2	Nhật Bản	47	7.108.884.811	22,97%
3	Canada	3	4.233.500.000	13,68%
4	Xingapo	33	3.563.041.100	11,51%
5	Quần đảo Virgin thuộc Anh	21	2.710.520.625	8,76%
6	Malaixia	21	1.569.415.594	5,07%
7	Hoa Kỳ	26	1.353.725.500	4,37%
8	Hàn Quốc	113	614.524.134	1,99%
9	Vương quốc Anh	9	537.450.000	1,74%
10	Các quốc gia khác		1.084.657.420	3,50%
	Tổng số	478	30.946.906.884	100%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.4. FDI theo địa phương

Trong 6 tháng đầu năm, đã có 38 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép mới, trong đó, Hà Tĩnh có số vốn đăng ký đầu tư lớn nhất, với gần 7,9 tỷ USD, chiếm 25,5% tổng vốn đăng ký; tiếp đến là Thanh Hóa, đạt hơn 6,2 tỷ USD, chiếm 20%; Bà Rịa - Vũng Tàu đạt gần 5,6 tỷ USD,

chiếm 18%; thành phố Hồ Chí Minh đạt 3,4 tỷ USD, chiếm 11%; Đồng Nai đạt 1,8 tỷ USD, chiếm 5,8%; Kiên Giang đạt 1,6 tỷ USD, chiếm 5,3%; Bắc Ninh đạt hơn 1,6 tỷ USD, chiếm 3,3%; Hà Nội đạt 661,5 triệu USD, chiếm 2,1%; Cần Thơ đạt 539,2 triệu USD, chiếm 1,7%; Bình Dương đạt 485 triệu USD, chiếm 1,6% (Bảng 4).

Bảng 4. Tổng vốn FDI đăng ký phân theo địa phương 6 tháng đầu năm 2008

TT	Nước đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư
1	Hà Tĩnh	1	7.879.060.000
2	Thanh Hóa	3	6.201.700.000
3	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	5.579.000.000
4	TP. Hồ Chí Minh	67	3.411.720.597
5	Đồng Nai	47	1.786.857.082
6	Kiên Giang	1	1.648.000.000

TT	Nước đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư
7	Bắc Ninh	26	1.029.550.000
8	Hà Nội	87	661.513.641
9	Cần Thơ	4	539.200.000
10	Các tỉnh khác	239	2.210.305.564

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Xét theo khu chế xuất - khu công nghiệp, có rất nhiều dự án đang chuẩn bị đầu tư trong năm 2008 là những dự án có giá trị đầu tư nhiều tỷ USD, phần lớn đều là những dự án đầu tư vào các khu chế xuất - khu công nghiệp tập trung. Tại khu vực phía Bắc gồm các dự án như: dự án sản xuất điện tử của Foxconn (Đài Loan) (tại Bắc Giang, Bắc Ninh), với tổng số vốn đầu tư lên tới 5 tỷ USD; dự án nhiệt điện Mông Dương của AES (Mỹ) (tại Quảng Ninh), với tổng số vốn khoảng 1,46 tỷ USD; dự án thép Thạch Khê của Ấn Độ (tại Hà Tĩnh), với số vốn 3,75 tỷ USD.

Tại khu vực phía Nam, rất nhiều dự án đang chuẩn bị được đầu tư trong năm 2008 và các năm tới cũng theo hướng ưu tiên đầu tư vào các KCX - KCN như: dự án Nhà máy nhiệt điện Vân Phong của Sumitomo (Nhật Bản) tại Phú Yên, với tổng số vốn lên tới 3,5 tỷ USD; dự án Nhà máy nhiệt điện Bình Thuận của CSG (Trung Quốc) tại Bình Thuận, với số vốn 1,4 tỷ USD; dự án Nhà máy lọc dầu số 3 của Thái Lan tại Bà Rịa - Vũng Tàu, với số vốn 1,53 tỷ USD; dự án Nhà máy luyện thép của Posco vào Khánh Hòa, với vốn 5 tỷ USD; dự án khu đô thị Đại học Quốc tế tại TP. Hồ Chí Minh của Malaixia, với số vốn 3,5 tỷ USD.

2. Thương mại quốc tế

Trong khi tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt được nhiều thành tựu khả quan thì tình hình thương mại quốc tế, cụ thể là cán cân thương mại hàng hóa trong quý I/2008 trong tình trạng đáng lo ngại, song dần được cải thiện đáng kể trong Quý II.

Tình hình xuất khẩu hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2008 tiếp tục đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Trong tháng 6/2008, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước đạt 5,5 tỷ USD, tuy giảm 4,4% so với tháng trước song tăng tới 32,9% so với cùng kỳ năm 2007. Tính chung 6 tháng đầu năm 2008, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 29,7 tỷ USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế trong nước đạt 12,8 tỷ USD, tăng 29,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) đạt 11,3 tỷ USD, tăng 27,4%.

Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ đô la Mỹ (USD) có mức tăng trưởng xuất khẩu cao bao gồm: gạo (đạt 1,8 tỷ USD, tăng 87,6% so với cùng kỳ năm 2007), dầu thô (đạt 6,8 tỷ USD, tăng 52,2%) và điện tử, máy tính (1,4 tỷ USD, tăng 29,4%) (Bảng 5). Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng tăng cao một phần

do khối lượng xuất khẩu của nhiều hàng hóa tăng, ngoài ra do giá xuất khẩu của những mặt hàng chủ lực liên tục tăng. Chẳng hạn, 6 tháng đầu năm 2008 giá dầu thô xuất khẩu bình quân tăng 69,5%. Sự gia tăng

mạnh mức giá của 8 mặt hàng xuất khẩu trong Bảng 5 đã làm cho kim ngạch xuất khẩu 6 tháng tăng khoảng 3,8 tỷ USD. Nếu loại đi nhân tố tăng giá này thì kim ngạch xuất khẩu 6 tháng tăng 15,1%.

Bảng 5: Tám mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD 6 tháng đầu năm 2008

TT	Các mặt hàng	Giá trị Xuất Khẩu (tỷ USD)	% tăng so với cùng kỳ 2007
1	Dầu thô	6,8	52,2
2	Dệt may	5,1	20,5
3	Giấy dép	2,8	18,4
4	Thủy sản	2,3	17,7
5	Gạo	1,8	87,6
6	Sản phẩm gỗ	1,59	21,3
7	Điện tử, máy tính	1,4	29,4
8	Cà phê	1,38	3,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008), “Báo cáo tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2008”.

Nhìn chung, cơ cấu xuất khẩu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp chế biến, có hàm lượng công nghệ và chất xám cao. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều nhóm mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng thấp, dễ tổn thương bởi các biến động về giá.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2008 đạt 6,8 tỷ USD, giảm 11,3% so với tháng trước và tăng 33,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2008, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 44,5 tỷ USD, tăng 60,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 30,6 tỷ USD, tăng 69,9%;

khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13,9 tỷ USD, tăng 42,7%.

Có tới 10 mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 1 tỷ USD. Mười mặt hàng có giá trị nhập khẩu tăng cao đã đóng góp khoảng 40,5% vào mức tăng 6 tháng qua (Bảng 6). Trong đó, nhóm hàng nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu rất cao như sắt thép tăng 96,6%, trong đó phôi thép tăng 136,6% phân bón tăng 118,9%, trong đó Urê tăng tới 138,3%; dầu mỡ động, thực vật tăng 96,8% xăng dầu tăng 90,7%; thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu tăng 78,3%...

Cũng như các mặt hàng xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu tăng cao ngoài do tăng

Bảng 6: 10 mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 1 tỷ USD 6 tháng đầu năm 2008

TT	Các mặt hàng	Giá trị nhập khẩu (tỷ USD)	% tăng so với cùng kỳ 2007
1	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng	8,2	40,3
2	Xăng dầu	7,8	90,7
3	Sắt thép	5,0	96,6
4	Vải	2,7	18,3
5	Điện tử, máy tính và linh kiện	2,1	36,1
6	Ô tô	1,83	199,4
7	Chất dẻo	1,82	38,8
8	Nguyên phụ liệu dệt, may, da	1,5	19,1
9	Thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu	1,2	78,3
10	Hóa chất	1,1	38,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008), “Báo cáo tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2008”.

khối lượng nhập khẩu còn có phần quan trọng do tăng giá. Chẳng hạn, trong 6 tháng đầu năm, giá phân bón tăng 96%, giá xăng dầu nhập khẩu tăng 61,8%, giá sắt thép tăng 29,8%, giá chất dẻo tăng 15,4% và giá giấy tăng 11,8%. Sự tăng giá của 5 mặt hàng này đã làm cho kim ngạch nhập khẩu tăng thêm trên 4,1 tỷ USD (tương ứng với mức tăng 14,9% so với kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2007). Nếu loại trừ nhân tố tăng giá này thì kim ngạch nhập khẩu 6 tháng tăng 45,7%. Trong 6 tháng đầu năm 2008, giá trị nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13,9 tỷ USD, tăng 42,7% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng khối lượng xuất nhập khẩu dịch vụ 6 tháng đầu năm 2008 đạt 7,8 tỷ USD, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2007, gồm có xuất khẩu dịch vụ 3,4 tỷ USD, tăng 16,1%; nhập

khẩu dịch vụ đạt 4,4 tỷ USD, tăng 30%.

Cán cân thương mại hàng hóa bị thâm hụt mạnh song có xu hướng cải thiện trong 6 tháng đầu năm. Do kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh hơn kim ngạch xuất khẩu, nhập siêu lên tới 15,7 tỷ USD, bằng 42,6% kim ngạch xuất khẩu và bằng 71,4% mức dự kiến nhập khẩu cả năm. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gây nên mức thâm hụt khoảng 2,6 tỷ USD, chiếm khoảng 18% trong tổng thâm hụt của cả nước trong 6 tháng đầu năm. Nhập siêu chủ yếu từ các thị trường như: Trung Quốc (5,8 tỷ USD); Xingapo (3,4 tỷ USD); Đài Loan (3,1 tỷ USD); Hàn Quốc (2,3 tỷ USD); Thái Lan (1,3 tỷ USD)...

Tuy nhiên, mức nhập siêu có xu hướng giảm đáng kể giữa hai quý đầu năm và từng tháng. Cụ thể, mức nhập siêu của Quý

1/2008 là 8,3 tỷ USD; trong Quý 2/2008 giảm xuống còn 6,4 tỷ USD; tháng 3 nhập siêu đạt 3,28 tỷ USD, tháng 4 là 3,2 tỷ USD, tháng 5 còn 1,91 tỷ USD, tháng 6 xuống 1,3 tỷ USD và tháng 7 chỉ còn 0,8 tỷ USD. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy các nỗ lực của Chính phủ trong việc giảm nhập siêu đã bắt đầu phát huy hiệu lực.

Mức nhập siêu cao chủ yếu do nhập khẩu một số mặt hàng tiêu dùng xa xỉ như ô tô và vàng tăng mạnh. Trong nửa đầu năm 2008, giá trị ô tô nhập khẩu là 18,32 tỷ USD, tăng 199,4% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó ô tô nguyên chiếc tăng 265,1%. Việt Nam đã nhập trên 90 tấn vàng giá trị khoảng 2,8 tỷ USD, trở thành nước nhập khẩu vàng lớn thứ 2 trên thế giới. Sự gia tăng nhập khẩu hàng tiêu dùng xa xỉ chủ yếu có liên quan tới hiệu ứng tăng thu nhập từ các tài sản có mức giá tăng mạnh như chứng khoán, bất động sản. Bên cạnh đó, nhập khẩu hàng hóa tăng có liên quan tới việc đầu cơ các nguyên vật liệu, sắt thép nhập khẩu (do kỳ vọng giá các mặt hàng này sẽ được thả nổi từ 1/7/2008) cũng như đối với ô tô (mức thuế quan dự kiến tăng) cũng như việc mức thuế quan giảm có liên quan tới việc Việt Nam thực hiện các cam kết gia nhập WTO.

Những kết quả khả quan trong giảm mức nhập siêu có phần rất quan trọng là nhờ những nỗ lực của Chính phủ trong nửa đầu năm 2008, cụ thể là: (i) kiểm chế nhập khẩu một số mặt hàng thông qua việc tăng thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu như ô tô, điện tử, mỹ phẩm...; chỉ thị cho các ngân hàng

không cho vay tiền đối với những doanh nghiệp nhập khẩu các loại hàng này; và thúc đẩy xuất khẩu thông qua việc Ngân hàng Nhà nước bảo đảm đủ vốn mua hết ngoại tệ cho các doanh nghiệp hàng xuất khẩu, xử lý ngay các ách tắc tín dụng xuất khẩu cho từng trường hợp; tăng cường hỗ trợ công tác xúc thương mại đối với hàng xuất khẩu; cải thiện thủ tục hành chính liên quan hoạt động xuất khẩu để giảm chi phí doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2008), *Thống kê về FDI các năm*
- Công văn số 319/TTg-kttt, ngày 03 tháng 03/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường biện pháp kiểm chế lạm phát năm 2008.
- Đinh Văn Ân, Nguyễn Thị Tuệ Anh (2008), *Hiện đầu tư trực tiếp nước ngoài sau khi Việt Nam gia nhập WTO*, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2008), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2008*, Hà Nội.
- Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2007), *Cục đầu tư nước ngoài: Đánh giá tác động của 5 năm triển khai hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hoa Kỳ*, Nhà xuất bản chính quyền Quốc gia, Hà Nội.
- Central Institute for Economic Management (CIEM) (2007), *Vietnam Economy in 2007*, Political Theory Publisher, Hanoi.
- Bài viết trên các website:
 - <http://www.dangcongsan.vn>
 - <http://www.Fia.mpi.gov.vn>
 - <http://www.vnexpress.net>
 - <http://vietnamnet.vn>
 - <http://www.vnep.org.vn>
 - www.vneconomy.com.vn
 - www.vir.com.vn